321/2021/SPC-VX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 01 năm 2021

- Hợp đồng số: **97-2021/BVĐHYD-KD**
- Gói thầu thuốc Generic (gồm 991 danh mục)
- Thuộc dự án: Cung cấp thuốc năm 2021

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-BVĐHYD ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thuốc Generic (gồm 991 danh mục) thuộc dự án Cung cấp thuốc năm 2021, thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng số 154/TB-BVĐHYD ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bên mời thầu;

Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày 19 tháng 01 năm 2021.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư : **BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM**
Địa chỉ : 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : 028 38554269 Fax: 028 39506126
Tài khoản : 0071000577701 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sài Thành
Mã số thuế : 0302203609
Đại diện là ông : **Nguyễn Hoàng Bắc** Chức vụ: **Giám đốc**

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN**
Địa chỉ : 18-20 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, Tp.HCM
Điện thoại : 18002033, 028.71079879; 028.39400388 (bấm 124)
Fax : 028. 38261636
E-mail : contract@sapharco.com

Tài khoản : 13010001883317 (VND), tại ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam (BIDV), Chi nhánh: sở giao dịch 2 TP. Hồ Chí Minh - Mã Ngân hàng: 79202001

Mã số thuế : 0300523385

Đại diện là ông: **Nguyễn Huy Quang** Chức vụ: **Phó Tổng Giám Đốc**

(Theo giấy ủy quyền số 125/UQ-SPC-NSHC ngày 21 tháng 07 năm 2020)

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các thuốc được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu trúng thầu;
7. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu;
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng. Trường hợp Bên A chậm thanh toán so với thời hạn quy định tại Hợp đồng, Bên A sẽ phải chịu mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước tương ứng với số ngày chậm thanh toán.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại thuốc như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: **4.365.229.800** VND *(Bằng chữ: Bốn tỷ ba trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm hai mươi chín nghìn tám trăm đồng).*

2. Phương thức thanh toán: trong vòng 90 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng qui định của pháp luật

Điều 6. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 28/01/2021.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 07 bộ, Chủ đầu tư/Bên mời thầu giữ 05 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP **CỦA NHÀ THẦU** **KT.TỔNG GIÁM ĐỐC** **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP** **CỦA CHỦ ĐẦU TƯ** **GIÁM ĐỐC**
NGUYỄN HUY QUANG	**NGUYỄN HOÀNG BẮC**

PHỤ LỤC 1. BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số **97-2021/BVĐHYD-KD**, ngày 27/01/2021)

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	Quy cách đóng gói	Hạn dùng/tuổi thọ (tháng)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá *(có VAT)*	Thành tiền *(có VAT)*
1	**DUROGESIC 50MCG/H**	Fentanyl	8,4 mg	Miếng dán phong thích qua da. Trị liệu qua da	Hộp 5 túi nhỏ x 1 miếng dán	24	VN-19681-16	Janssen Pharmaceutica N.V. Bỉ	miếng	20	282.975	5.659.500
2	**KALI CLORID**	Kali clorid	500mg	Viên nén. Uống	Hộp 10 Vỉ x 10 Viên	36	VD-33359-19	Công ty cổ phần dược phẩm 2/9. Việt Nam	Viên	30.000	700	21.000.000
3	**MIFE 200**	Mifepristone (dạng micronised)	200mg	Viên nén. Uống	Hộp 1 vỉ x 1 viên	24	QLĐB-690-18	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera. Việt Nam	Viên	500	49.800	24.900.000
4	**HERAPROSTOL**	Misoprostol (Dưới dạng Misoprostol HPMC 1% dispersion)	200mcg	Viên nén. Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	24	VD-29544-18	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera. Việt Nam	Viên	1.700	3.440	5.848.000
5	**FERROVIN**	Sắt sucrose	(Sắt 20mg/ml) x 5ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch. Tiêm	Hộp 1 vỉ x 5 ống 5 ml	24	VN-18143-14	Rafarm S.A. Hy Lạp	Ống	600	86.000	51.600.000
6	**TETRAXIM**	Giải độc tố bạch hầu >= 30IU, Giải độc tố uốn ván >= 40IU; Các kháng nguyên Bordetella pertussis gồm: giải độc tố (PTxd) 25 mcg	0,5ml	Hỗn dịch tiêm. Tiêm bắp	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml vắc-xin. Hộp 10 bơm tiêm,	36	QLVX-826-14 (Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký số	Sanofi Pasteur. Pháp	Liều	900	378.672	340.804.800

		và ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA) 25 mcg; Virus bại liệt týp 1 bất hoạt: 40 D.U; Virus bại liệt týp 2 bất hoạt 8 D.U; Virus bại liệt týp 3 bất hoạt 32 D.U			mỗi bơm nạp sẵn 1 liều (0,5ml) vắc-xin		16268/QLD-ĐK ngày 18/09/2019)					
7	**HEXAXIM**	Mỗi liều 0,5ml chứa: * Giải độc tố bạch hầu: không dưới 20 IU; * Giải độc tố uốn ván: không dưới 40 IU; * Kháng nguyên Bordetella pertussis: Giải độc tố ho gà (PT) 25mcg, Ngưng kết tố hồng cầu dạng sợi (FHA): 25mcg; * Virus bại liệt (bất hoạt): - Týp 1 (Mahoney): 40 đơn vị kháng nguyên D, - Týp 2 (MEF-1): 8 đơn vị kháng nguyên D, - Týp 3 (Saukett): 32 đơn vị kháng nguyên D, * Kháng nguyên bề mặt viêm gan B: 10mcg; * Polysaccharide của Haemophillus influenzae týp b (Polyribosylribitol Phosphate) 12mcg cộng hợp với protein uốn ván 22-36 mcg.	0,5ml	Hỗn dịch tiêm (không cần hoàng nguyên). Tiêm	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml và 2 kim tiêm; Hộp 10 bơm tiêm nạp sẵn 1 liều 0,5ml và 20 kim tiêm; Hộp 10 lọ, lọ 1 liều 0,5ml	36	QLVX-1076-17	Sanofi Pasteur. Pháp	Bơm Tiêm	2.500	824.000	2.060.000.000
8	**VAXIGRIP (0,25ML)**	Virus cúm, tách ra từ các hạt virion, bất hoạt 7,5 mcg HA/0,25ml.	0,25ml	Hỗn dịch tiêm. Tiêm bắp hoặc tiêm dưới da sâu	Hộp 1 bơm tiêm nạp sẵn 0,25ml vắc xin	12	QLVX-0652-13 (Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký số 1244/QLD-	Sanofi Pasteur. Pháp	Bơm Tiêm	1.650	169.950	280.417.500

							ĐK ngày 10/02/2020)					
9	**MENACTRA**	Mỗi liều 0,5ml chứa: - Polysaccharide Não mô cầu (nhóm huyết thanh A) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Polysaccharide não mô cầu (nhóm huyết thanh C) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Polysaccharide não mô cầu (nhóm huyết thanh Y) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Polysaccharide não mô cầu (nhóm huyết thanh W-135) (đơn giá cộng hợp) 4mcg; - Protein giải độc tố bạch hầu 48 mcg (Protein mang cộng hợp polysaccharide đối với tất cả các nhóm huyết thanh)	0,5ml	Dung dịch tiêm. Tiêm bắp	Hộp 1 lọ, lọ 1 liều x 0,5ml	24	QLVX-H03-1111-18	Sanofi Pasteur Inc. Mỹ	Lọ	1.500	1.050.000	1.575.000.000
Tổng cộng giá hợp đồng (Bằng chữ: *Bốn tỷ ba trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm hai mươi chín nghìn tám trăm đồng*)												**4.365.229.800**

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN

NGUYỄN HUY QUANG

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC

BỘ Y TẾ BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HOÀNG BẮC

PHỤ LỤC 2. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại **ĐKCT**; 1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. "Nhà thầu" là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **ĐKCT**; 1.4. "Nhà thầu phụ" là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSDT hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSDT; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDT được Chủ đầu tư chấp thuận; 1.5. "Tài liệu Hợp đồng" nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. "Giá hợp đồng"là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. "Ngày" là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch; 1.8. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.9. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại **ĐKCT**.
2. Thứ tự ưu tiên	Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: 2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; 2.2. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng; 2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 2.4. ĐKCT; 2.5. ĐKC; 2.6. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu; 2.7. HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có); 2.8. Các tài liệu khác quy định tại **ĐKCT**.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác trong **ĐKCT**, Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại **ĐKCT**. 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng.

	Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại **ĐKCT**. 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**.
7. Nhà thầu phụ	7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận. 7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT. 7.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại **ĐKCT**.
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại **ĐKCT**.
9. Phạm vi cung cấp	Thuốc phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại thuốc mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại thuốc đó.
10. Tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp thuốc và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V – Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại **ĐKCT**.
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ thuốc và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT.** 12.2. Giá hợp đồng quy định tại **ĐKCT** là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
13. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối	Việc điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.

lượng hợp đồng	
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.
15. Thanh toán	15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 15.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
16. Bản quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thuốc mà nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này. 17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư, nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 17.1 ĐKC này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng. 17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.
18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Thuốc được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Mục 2 Chương VI – Phạm vi cung cấp;
19. Đóng gói thuốc	Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định tại **ĐKCT** phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.
20. Bảo hiểm	Thuốc cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại **ĐKCT**.
21. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển thuốc và các yêu cầu khác được quy định tại **ĐKCT**.
22. Kiểm tra và thử nghiệm thuốc	22.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ

	thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại **ĐKCT**. 22.2. Bất kỳ thuốc nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối.
23. Bồi thường thiệt hại	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25ĐKC, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại **ĐKCT** tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại **ĐKCT**. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.
24. Yêu cầu chất lượng và hạn sử dụng thuốc	24.1. Nhà thầu bảo đảm rằng thuốc được cung cấp bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn đã cấp phép lưu hành và bảo đảm còn hạn sử dụng, trừ khi có quy định khác nêu tại **ĐKCT**. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng thuốc được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của thuốc. 24.2. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với thuốc quy định tại **ĐKCT.**
25. Bất khả kháng	25.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch. 25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.
26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	26.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

	d) Thay đổi thuốc trúng thầu; đ) Các nội dung khác quy định tại **ĐKCT**. 26.2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: 27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định. 27.4. Các trường hợp khác quy định tại **ĐKCT**.
28. Chấm dứt hợp đồng	28.1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau: a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập; c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại **ĐKCT**. 28.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 28.1 ĐKC thì nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện. 28.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 28.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

PHỤ LỤC 3. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh
ĐKC 1.3	Nhà thầu: Công Ty TNHH Một Thành Viên Dược Sài Gòn
ĐKC 1.9	Điểm giao hàng cuối cùng là: Tùy theo nhu cầu đặt hàng của các cơ sở thuộc Bên A, Bên B sẽ giao hàng và xuất hóa đơn theo thông tin sau: **Cơ sở 1 :** - Tên xuất hóa đơn: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. - Mã số thuế: 0302203609. - Địa chỉ giao hàng : 215 Hồng Bàng, P.11, Q.5, TPHCM - Số tài khoản : 001070406001417 - Tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương, Chi nhánh Quận 7, TPHCM. **Cơ sở 2 :** - Tên xuất hóa đơn: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. - Mã số thuế: 0302203609. - Địa chỉ giao hàng: 201 Nguyễn Chí Thanh, P.12, Q.5, TPHCM - Số tài khoản: 1603311100006 - Tại: Ngân hàng NHNN & PT NT Sài Gòn – Chi nhánh Lý Thường Kiệt, TPHCM **Cơ sở 3 :** - Tên xuất hóa đơn: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. - Mã số thuế: 0302203609. - Địa chỉ giao hàng: 221B Hoàng Văn Thụ, P.8, Q. Phú Nhuận, TPHCM - Số tài khoản : 31510000743594 - Tại: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận, TPHCM
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Biên bản thương thảo.
ĐKC 4	Chủ đầu tư có thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: - Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại: 028.39525292; 028.39525955 - Fax: 028.39506126 - Địa chỉ email: khoaduoc.cs1@umc.edu.vn
ĐKC 6.1	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: thư bảo lãnh ngân hàng. - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: **218.261.490** VND *(Bằng chữ: Hai trăm mười tám triệu hai trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi đồng).* - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực 13 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: tối đa là 07 ngày sau khi ký kết hợp đồng.
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 30 ngày sau khi hợp đồng hết hiệu lực.
ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: không có

ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: không yêu cầu
ĐKC 8.2	Thời gian tiến hành hòa giải: trong vòng 7 ngày làm việc. Giải quyết tranh chấp: sau 7 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp, mà các bên không hòa giải được hoặc hòa giải không thành, thì một trong các bên có quyền gửi đơn yêu cầu Tòa án nơi có trụ sở làm việc của bên A giải quyết. Tất cả các chi phí cho việc giải quyết tranh chấp do bên vi phạm chi trả.
ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển thuốc: Hóa đơn thuốc. Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi thuốc đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.
ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
ĐKC 12.2	- Giá hợp đồng: **4.365.229.800** VND *(Bằng chữ: Bốn tỷ ba trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm hai mươi chín nghìn tám trăm đồng).* - Giá trên đã bao gồm các loại thuế, chi phí vận chuyển, giao hàng và các chi phí khác. Giá này được cung cấp ổn định và áp dụng thống nhất cho tất cả các cơ sở của Bên A. Giá cung cấp phải được điều chỉnh giảm theo các chính sách của nhà nước hoặc nhà cung cấp (nếu có). - Giá thuốc Bên B cung cấp cho Bên A phải được điều chỉnh giảm theo các chính sách của cơ quan có thẩm quyền. Bên B cam kết giá thuốc cung cấp cho Bên A không cao hơn giá cung cấp cho bất kỳ cơ sở y tế nào khác trong nước trong thời gian thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp giá thuốc Bên B cung cấp cho Bên A cao hơn giá thuốc Bên B cung cấp cho cơ sở y tế khác, Bên B có nghĩa vụ phải điều chỉnh giảm giá thuốc cung cấp cho Bên A ngang bằng với giá cung cấp cho cơ sở y tế đó.
ĐKC 13	Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng: không áp dụng.
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
ĐKC 15.1	Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản. Cụ thể như sau: - Giá trị thanh toán theo nhu cầu sử dụng của Bên A và được thể hiện qua các đơn đặt hàng. - Thông tin tài khoản nhận thanh toán: + Tên chủ tài khoản: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN** + Số tài khoản: 13010001883317 + Ngân hàng: TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam (BIDV), Chi nhánh: sở giao dịch 2 TP. Hồ Chí Minh - Thời hạn thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo đúng qui định của pháp luật. - Điều kiện thanh toán: Chậm nhất vào ngày 5 hàng tháng Bên B gửi Bảng đối chiếu công nợ làm cơ sở thanh toán cho Bên A.

ĐKC 19	Đóng gói thuốc: theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường.
ĐKC 20	Nội dung bảo hiểm: Bên B chịu trách nhiệm bồi thường các mất mát, tổn thất, hỏng, vỡ, trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng.
ĐKC 21	1. Yêu cầu về vận chuyển thuốc: - Giao hàng tại Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh trong vòng 24 giờ sau khi nhận được Đơn đặt hàng của Bệnh viện. - Bên B chịu mọi chi phí vận chuyển và những chi phí thực hiện việc bảo quản đối với thuốc trong trường hợp thuốc có yêu cầu bảo quản đặc biệt. - Giao hàng đủ số lượng theo đơn đặt hàng và đúng địa điểm do Bên A quy định. - Trường hợp có thay đổi liên quan đến đơn hàng Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản trong thời gian không quá 03 giờ kể từ thời điểm nhận được đơn hàng từ Bên A. Trong trường hợp đơn hàng được gửi sau 14 giờ thì Bên B phải phản hồi cho Bên A trước 9 giờ của ngày làm việc tiếp theo. - Chứng từ kèm theo khi giao hàng: hóa đơn theo số lượng giao hàng thực tế, đơn đặt hàng của Bên A. 2. Các yêu cầu khác: - Bên B phải chịu trách nhiệm đối với thuốc do Bên B cung cấp mà không đạt chất lượng hoặc sản phẩm có lỗi, khiếm khuyết ảnh hưởng đến đến chất lượng thuốc. Bên B cam kết cung cấp lại miễn phí cho Bên A đối với các sản phẩm không đạt chất lượng hoặc có lỗi, khiếm khuyết này theo số lượng thực tế của thuốc bị phát hiện có vấn đề. Thời gian cung cấp lại không quá 2 ngày làm việc kể từ thời điểm Bên B nhận được yêu cầu của Bên A. - Bên B cam kết thu hồi đối với các thuốc mà Bên A phát hiện không đảm bảo chất lượng trong quá trình sử dụng hoặc khi có công bố về vi việc vi phạm chất lượng thuốc, có văn bản đình chỉ lưu hành, yêu cầu thu hồi từ cơ quan có thẩm quyền. Bên A không có nghĩa vụ phải thanh toán cho Bên B phần chi phí liên quan đến các thuốc bị thu hồi này. - Phương thức nhận hàng: Bên A kiểm tra số lượng và tình trạng thuốc tại thời điểm giao nhận. Trường hợp nhận hàng nguyên đai, nguyên kiện, sau khi nhập kho nếu phát hiện hàng hoá chưa đúng về số lượng, chất lượng, Bên A sẽ lập biên bản và báo cho Bên B để tiến hành kiểm tra và có biện pháp giải quyết. Sau 3 ngày kể từ ngày nhận được thông báo mà Bên B không có ý kiến thì xem như đã chấp nhận những thất thoát, hư hỏng theo biên bản đã thông báo.
ĐKC 22.1	**Kiểm tra và thử nghiệm:** - Kiểm tra chất lượng cảm quan tại thời điểm giao hàng: + Thùng hàng/kiện hàng nguyên vẹn, đầy đủ số lượng theo yêu cầu của đơn hàng. + Thuốc phải còn nguyên bao bì, không móp méo, rách nát, bể vỡ, thống nhất nội dung bao bì trong – ngoài, có hướng dẫn sử dụng bằng Tiếng Việt.

	+ Hạn sử dụng còn lại của thuốc tại thời điểm giao hàng phải đúng theo yêu cầu của nội dung ĐKC 24.2 + Đảm bảo đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất + Thuốc phải được bảo quản ở điều kiện yêu cầu trên vỏ hộp thuốc. Đối với thuốc bảo quản $2^0C - 8^0C$, có bảng theo dõi nhiệt độ chứng minh kèm theo thùng xốp, đá khô để bảo quản thuốc trong trường hợp cấp phát lẻ. - Thử nghiệm thuốc: Bên A khi có nghi ngờ thuốc không đạt yêu cầu, kém chất lượng thì yêu cầu nhà thầu tiến hành thu hồi và thử nghiệm thuốc. Mọi chi phí thử nghiệm thuốc do Bên B chi trả.
ĐKC 23	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 100% giá trị thiệt hại xảy ra trên thực tế. Mức khấu trừ: 0,5% giá trị hợp đồng/tuần chậm tiến độ thực hiện hợp đồng. Mức khấu trừ tối đa: 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.
ĐKC 24.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với thuốc: - Hàng hoá được giao tại Bệnh viện phải được bảo hành chất lượng trong suốt thời gian còn hạn sử dụng. - Thuốc có nhãn hiệu, xuất xứ theo đúng kết quả trúng thầu. Bên B phải nêu rõ xuất xứ của thuốc và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của thuốc. - Thuốc phải còn nguyên bao bì, không rách nát, bể vỡ và phải có hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt. - Bên B phải chịu trách nhiệm về những khiếm khuyết của thuốc nếu các khiếm khuyết đó không thể phát hiện bằng biện pháp thông thường hoặc những khiếm khuyết mà Bên B đã biết nhưng không thông báo cho Bên A.
ĐKC 24.2	Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng: - Đảm bảo còn hạn sử dụng: Thuốc cung cấp phải mới 100%, hạn sử dụng còn lại tại thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. - Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc: ngay khi có phát sinh, Bên A thông báo cho Bên B về các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh. Trong vòng 48 giờ, Nhà thầu phải tiến hành khắc phục thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc sau khi nhận được thông báo của Bên A. - Bên B phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc… Trường hợp gây thiệt hại cho bên thứ ba do lỗi liên quan đến thuốc của Bên B thì Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ vật chất, tinh thần cho bên thứ ba. - Bên B thu hồi đối với các thuốc mà Bên A phát hiện không đảm bảo chất lượng trong quá trình sử dụng hoặc khi có công bố về việc vi phạm chất lượng thuốc, có văn bản đình chỉ lưu hành, yêu cầu thu hồi từ cơ

	quan có thẩm quyền. Bên A không có nghĩa vụ phải thanh toán cho Bên B phần chi phí liên quan đến các thuốc bị thu hồi này.
ĐKC 26.1 (đ)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: - Trường hợp thuốc dự thầu có thay đổi trong quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc cung ứng thuốc trúng thầu nhưng thuốc thay thế chưa được chào trong hồ sơ dự thầu, Bên A được xem xét để nhà thầu thay thế thuốc nhằm bảo đảm cung ứng đủ thuốc phục vụ kịp thời công tác khám bệnh, chữa bệnh của đơn vị, cụ thể: - Thay đổi liên quan đến tên thuốc; tên nhà máy sản xuất; quy cách đóng gói trong quá trình lưu hành nhưng số giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu không thay đổi; - Thay đổi số giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu mới nhưng các thông tin khác không thay đổi (tên thuốc, nhà sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, tuổi thọ, phân nhóm thuốc dự thầu; riêng tiêu chuẩn chất lượng có thể thay đổi nhưng mức tiêu chuẩn và các chỉ tiêu chất lượng không được thấp hơn của thuốc đã trúng thầu (hoặc chào trong hồ sơ dự thầu) hoặc được cập nhật phiên bản mới của Dược điển); - Khi thực hiện thay thế thuốc, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá việc thay thế, bao gồm: bản chụp (có dấu xác nhận của nhà thầu) Giấy phép lưu hành sản phẩm (MA) hoặc Giấy chứng nhận sản phẩm dược (CPP), các công văn cho phép thay đổi, bổ sung của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có) và thuyết minh về tiêu chuẩn chất lượng không thay đổi của thuốc dự thầu, thuốc đề xuất thay thế.
ĐKC 27.4	Các trường hợp khác: Không có.
ĐKC 28.1 (d)	Các hành vi khác: Không có.